



Tất cả các mức phí được niêm yết bằng Đô la Mỹ (USD) và chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng		<u>USD</u>
1. Xuất khẩu		
A. Tín dụng chứng từ xuất khẩu		
Thông báo tín dụng thư		20
Khách hàng		40
Khách hàng vắng lai		Hoàn phí: 20
Xuất trình chứng từ tại CommBank		
Thông báo tu chỉnh tín dụng thư		10
Khách hàng		20
Khách hàng vắng lai		0,20% giá trị (tối thiểu 80)
Chuyển nhượng tín dụng thư		0,20% (tối thiểu 70 nếu thay đổi giá trị; tối thiểu 50 cho các thay đổi khác)
Tu chỉnh chuyển nhượng tín dụng thư		Theo thỏa thuận
Xác nhận tín dụng thư		0,20% (tối thiểu 50) + phí theo lãi suất thỏa thuận
Chiết khấu		
B. Thanh toán bộ chứng từ xuất khẩu		
Xử lý chứng từ tính trên một bộ chứng từ		0,20% (tối thiểu 50, tối đa 500)
C. Nhờ thu chứng từ xuất khẩu		
Xử lý chứng từ		0,25% giá trị nhờ thu (tối thiểu 50, tối đa 500)
Xử lý bổ sung (khi cần thông báo cho ngân hàng xuất trình việc tu chỉnh các điều khoản và điều kiện của tín dụng thư hoặc trong trường hợp bị từ chối thanh toán)		50
2. Nhập khẩu		
A. Tín dụng chứng từ nhập khẩu		
Phát hành tín dụng thư		0,15%/tháng (tối thiểu 50 + phí điện tín)
Tu chỉnh tín dụng thư – Tăng/Giảm số tiền		0,15%/tháng (tối thiểu 50 + phí điện tín)
Tu chỉnh tín dụng thư – Gia hạn thời hiệu		0,15%/tháng (tối thiểu 50 + phí điện tín)
Tu chỉnh tín dụng thư – Các tu chỉnh khác		50
Hủy tín dụng thư		50 + phí ngân hàng khác (nếu có)
B. Thanh toán bộ chứng từ nhập khẩu		
Xử lý chứng từ		0,15% giá trị (tối thiểu 50)
Chấp nhận/thanh toán chứng từ trả chậm		0,2%/tháng (tối thiểu 50) + 30 (phí xử lý chứng từ)
Lỗi chứng từ (sẽ được khấu trừ vào số tiền chuyển cho người thụ hưởng nếu phí do bên xuất khẩu chịu, ngược lại bên nhập khẩu chịu phí)		70
Thanh toán/Hoàn trả (thu phí người thụ hưởng)		70
C. Nhờ thu chứng từ nhập khẩu		
Xử lý chứng từ		0,30% giá trị nhờ thu (tối thiểu 50, tối đa 300)
Ký quỹ (ký hậu vận đơn gửi tại ngân hàng)		50
Xử lý bổ sung		50
3. Tài trợ thương mại		
Rút tiền		Miễn phí
Gia hạn		Miễn phí
Trả trước hạn (áp dụng cho khoản Tài trợ thương mại được tất toán trước hạn)		Miễn phí
4. Phát hành bảo lãnh nhập hàng		
Tín dụng thư		0,10% giá trị (tối thiểu 50)
Xử lý bổ sung nếu không hoàn trả ngân hàng Thư bảo lãnh trong vòng 2 tháng kể từ ngày phát hành		50
5. Ký hậu vận đơn		
Theo tín dụng thư		30
Không theo tín dụng thư		0,15% giá trị (tối thiểu 30)
6. Bảo lãnh Ngân hàng		
Phát hành (đối với thế chấp bằng tiền mặt/tài sản bảo đảm)		0,20%/tháng (tối thiểu 50) + điện phí (nếu có)
Sửa đổi bảo lãnh – Tăng/Giảm giá trị		0,20%/tháng (tối thiểu 50) + điện phí (nếu có)
Sửa đổi bảo lãnh – Các sửa đổi khác		20
Thông báo		30
7. Chi phí phụ		
Thông tin		
SWIFT/Điện phí (1 điện)		10
Chuyển Fax – trong nước (1 trang)		1,5
Chuyển Fax – ngoài nước (1 trang)		4
Tra soát – trong nước (1 lần)		10
Tra soát – quốc tế (1 lần)		20
Gửi chứng từ		
Chuyển phát nhanh – trong nước (1 thư)		Theo chi phí (tối thiểu 20)
Chuyển phát nhanh – quốc tế (1 thư)		Theo chi phí (tối thiểu 30)

CommBank là tên viết tắt của Commonwealth Bank of Australia

Biểu phí dịch vụ Thanh toán Xuất Nhập khẩu có thể được thay đổi theo quy định của ngân hàng chúng tôi. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận biểu phí dịch vụ hiện hành.

Toàn bộ các điều khoản và điều kiện sẽ được cung cấp theo yêu cầu.

Các mức phí trên đây chưa bao gồm phí mà các chi nhánh, đại lý hoặc ngân hàng nước ngoài của chúng tôi áp dụng đối với một giao dịch.

Tất cả các tài khoản và giao dịch đều phải tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Để biết thêm thông tin chi tiết về bất kỳ sản phẩm dịch vụ nào, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tòa nhà Hán Nam.

Số 65 Nguyễn Du,

Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Commonwealth Bank of Australia - ABN 48 123 123 124

Điện thoại: 84-8-3824 1525

Fax: 84-8-3824 2703

Email: customerservice@commbank.com.vn

Web: www.commbank.com.vn